TAND TỈNH THÁI NGUYÊN
TAND HUYỆN ĐẠI TỪ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **38**/2023/QĐST-HNGĐ

Đại Từ, ngày 06 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 27/2023/HNGĐ - ST ngày 20 tháng 02 năm 2023, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị B**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Xóm R, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

*** Bị đơn:** Anh **Đỗ Xuân Đ**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Xóm R, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị B và anh Đỗ Xuân Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**** Về quan hệ vợ chồng:*** Chị Trần Thị B và anh Đỗ Xuân Đ nhất trí, tự nguyện thuận tình ly hôn.

**** Về con chung:*** Chị Trần Thị B và anh Đỗ Xuân Đ thống nhất, thỏa thuân, giao anh Đỗ Xuân Đ là người được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đỗ Thị T, sinh ngày 22/02/2009. Chị B không trực tiếp nuôi cháu T nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Đối với con chung là cháu Đỗ Xuân Đ1 sinh

ngày 26/01/2005 là người đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên toà án không xem xét, giải quyết.

+ *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Trần Thị B và anh Đỗ Xuân Đ thỏa thuận, mỗi tháng chị Trần Thị B sẽ cấp dưỡng nuôi cháu T là 2.000.000đ (*hai triệu*) đồng/tháng,thời gian cấp dưỡng từ tháng 3/2023.

+ Trường hợp chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

+ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ngươời được thi hành án dân sự, ngươời phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**** Về tài sản chung, nợ chung, khoản cho vay:***

+ *Về tài sản chung*: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

+ *Về nợ chung*: Không có và không đề nghị tòa án xem xét, giải quyết.

**** Về án phí***: Chị Trần Thị B tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004189, ngày 17/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND xã La Bằng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Kiên